

**TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN TRANH CHẤP VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

ST T	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	18/2017/ LD-PT	16/08/2017	TAND tỉnh Tây Ninh	<p><b>Bản án số 18/2017/LĐ-PT ngày 16/08/2017 của TAND tỉnh Tây Ninh V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Tây Ninh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Chị M yêu cầu Công ty ĐN bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Khoảng 16h ngày 12 tháng 01 năm 2016 ông Nguyễn Thế V điều khiển xe ô tô cho lùi xe với tốc độ nhanh và chạm vào chồng chị là anh T là giám đốc công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐN (sau đây gọi tắt là Công ty), làm cho chồng chị bị chết. Được Thanh tra Sở lao động kết luận là tai nạn lao động (biên bản điều tra tai nạn lao động số 03/BBTNLĐ ngày 16/3/2016). Ngày 13-5-2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN đồng ý bồi thường 30 tháng lương là 990.000.000 đồng nhưng lúc đó chị không đồng ý do Công ty chia các lần thanh toán ra nhiều lần.</p> <p>Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN bồi thường cho chị, 2 con chị và cha chồng chị số tiền 990.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN kể từ ngày 28-3-2016 cho đến ngày xét xử. Tại bản trình bày ý kiến ngày 14-4-2017 của bà Trần Thị M xác định tính lãi suất 9%/ năm từ ngày 28-3-2016 tạm tính đến 20/4/2017 là 100.237.500 đồng</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/137iVQZfBNwfOAMBy5ZC7S3OX0gxZ4wyE/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/137iVQZfBNwfOAMBy5ZC7S3OX0gxZ4wyE/view?usp=sharing</a></p>

Tại phiên tòa ngày 30-9-2016 chị M xác định Công Ty bảo hiểm PjCo Sài Gòn đã thanh toán cho đương sự số tiền 60.000.000 đồng, đương sự đồng ý khấu trừ vào phần tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN phải bồi thường cho gia đình đương sự. Ngày 08-11-2016 chị M xác định không yêu cầu khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng mà Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJ đã thanh toán cho đương sự.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu “ Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động” của bà Trần Thị M đối với Công ty TNHH S ĐN.
2. Buộc Công ty TNHH S ĐN phải bồi thường cho bà Trần Thị M, cháu Trương T Nh, sinh ngày 19/9/2008, Trương T K, sinh ngày 28/11/2013 và ông B số tiền 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Khấu trừ 60.000.000 đồng tiền bảo hiểm tai nạn 24/24 do Tổng Công ty Cổ phần Pt đã thanh toán cho chị M theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn số P-5/SGO/P08/6201/0016 ngày 06/05/2015 giữa Công ty Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJCO SÀI Gòn và Công ty TNHH ĐN. Công ty TNHH S ĐN còn phải bồi thường số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).
4. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh trong thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 28/3/2016 đến ngày xét xử của chị Trần Thị M đối với Công ty
5. TNHH ĐN.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà X.
2. Giữ nguyên bản án Lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
  - Chấp nhận một phần yêu cầu “Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động” của bà Trần Thị M đối với Công ty TNHH S ĐN.
  - Buộc Công ty TNHH S ĐN phải bồi thường cho bà Trần Thị M, cháu Trương T Nh, sinh ngày 19/9/2008, Trương T K, sinh ngày 28/11/2013 và ông B số tiền 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Khấu trừ 60.000.000 đồng tiền bảo hiểm tai nạn 24/24 do Tổng Công ty Cổ phần Pt đã thanh toán cho chị M theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn số P-5/SGO/P08/6201/0016 ngày

				<p>06/05/2015 giữa Công ty Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJCO SÀI Gòn và Công ty TNHH ĐN. Công ty TNHH S ĐN còn phải bồi thường số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh trong thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 28/3/2016 đến ngày xét xử của chị Trần Thị M đối với Công ty TNHH ĐN.</li> </ul> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 1 Điều 308</li> <li>- Bộ luật dân sự 2015: khoản 2 Điều 428</li> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 142, 144, 145</li> <li>- Luật Bảo hiểm xã hội 2014: Điều 2, 38, 47</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội: Điều 3</li> <li>- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án: khoản 2 Điều 27</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Khoản 1 Điều 29</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 9, 30.</li> </ul>	
2.	01/2018/ LĐ –ST	11/05/2018	TAND huyện Bảo Yên, tỉnh	<p><b>Bản án số 01/2018/LĐ –ST ngày 11/05/2018 của TAND huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai V/v “ Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Sơ thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai</li> </ul>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1uvT0rIVTlexaZvFZDc6RllTTOIIwfcKI/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1uvT0rIVTlexaZvFZDc6RllTTOIIwfcKI/view?usp=sharing</a>

**Lào  
Cai**

- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ/việc: Yêu cầu bồi thường do tai nạn lao động

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Ngày 02/6/2014, Nguyên đơn - anh Dương Tiến M có ký hợp đồng lao động với công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Trường Phát thời hạn hợp đồng là 01 năm. Tháng 02/2015, anh M tiếp tục ký hợp đồng với công ty thời hạn là 01 năm, mức lương thử việc 3.500.000đ, sau đó mức lương chính 4.500.000đ/tháng, các tháng đều làm thêm ca do vậy thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Công việc là làm ở các khâu trà, nhám, ghép ván.

Đến ngày 18/10/2015 trong lúc dọn dẹp vệ sinh quanh khu vực làm việc anh M dọn mùn cửa đổ vào lò đốt nhưng thấy lửa ở trong lò phụt ra nên đã khiến anh M bị bỏng nặng, đã được đưa cấp cứu tại bệnh viện Bảo Yên và bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai điều trị 14 ngày. Sau khi ra viện bố mẹ anh M đã đến gặp lãnh đạo công ty để yêu cầu bồi thường nhưng công ty chỉ hỗ trợ 10.000.000đ, anh M không đồng ý với mức bồi thường do vậy đã khởi kiện ra tòa án nhân dân huyện Bảo Yên để giải quyết yêu cầu công ty phải bồi thường số tiền 230.598.224đ (gồm chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 42.098.224đ; thu nhập thực tế bị mất từ tháng 10/2015 đến tháng 2/2017 là 16 tháng x 6.000.000đ = 96.000.000đ; chi phí người chăm sóc 32.000.000đ; bù đắp tổn thất tinh thần 60.500.000đ). Ngày 15/12/2017 anh M đã làm đơn bổ sung thêm yêu cầu bồi thường mức suy giảm khả năng lao động 22.950.000đ.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Xử buộc Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Trường Phát. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T - Giám đốc công ty phải bồi thường cho anh Dương Tiến M và bà Nguyễn Thị H số tiền 88.183.224đ (Bằng chữ: Tám mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng)

Nhưng được trừ vào số tiền công ty đã bồi thường 10.000.000đ

2. Buộc Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Trường Phát Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T - Giám đốc công ty phải chịu số tiền án phí 4.409.000đ

				<p>3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Trường Phát không thi hành án số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 48</li> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 144, 145, 147</li> <li>- Luật Bảo hiểm xã hội 2014: Điều 46, 52</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30.</li> </ul>	
3.	22/2017/ LĐ-PT	22/09/2017	TAND tỉnh Đồng Nai	<p><b>Bản án số 22/2017/LĐ-PT ngày 22/09/2017 của TAND tỉnh Đồng Nai V/v tranh chấp bồi thường trợ cấp tai nạn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Bản án LĐ Vũ Văn M - Công ty TNHH D (21.11.2017)</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Đồng Nai</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Bản án LĐ Vũ Văn M - Công ty TNHH D</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1qxlr2fV2cZV8Dsd8M_DczoQUed_OEiJu/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1qxlr2fV2cZV8Dsd8M_DczoQUed_OEiJu/view?usp=sharing</a></p>

Trước khi làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D), ông Vũ Văn M (sau đây gọi tắt là ông M) đã bị tai nạn lao động với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 31% và đang được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng là 460.000đ. Năm 2012, ông M vào làm việc tại Công ty D và bị tai nạn lao động lần 2. Ngày 28/11/2012, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Đồng Nai ban hành biên bản giám định tổng hợp lao động số 08/BB-GĐYK về việc giám định mức độ suy giảm khả năng lao động tổng hợp của ông M là 52% vĩnh viễn (sau đây gọi tắt là biên bản giám định tổng hợp tai nạn lao động số 08/BB-GĐYK ngày 28/11/2012). Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay Công ty D không làm văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông M nên đã gây thiệt hại cho ông M hàng tháng không được nhận số tiền hưởng trợ cấp mới là 392.717đ, tính từ tháng 12/2012 đến tháng 4/2017 là 52 tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 43 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, ông M khởi kiện yêu cầu Công ty D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động là 20.421.000đ, ngoài ra ông M không yêu cầu gì khác.

Ngày 24/4/2017, ông Trần Thanh H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M, đình chỉ giải quyết vụ án.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc “tranh chấp về bồi thường trợ cấp tai nạn lao động”.
2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động tính đến hết tháng 4/2017 cho ông Vũ Văn M với số tiền là 20.421.550đ.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B về “tranh chấp bồi thường trợ cấp tai nạn lao động” giữa nguyên đơn ông Vũ Văn M với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc “tranh chấp về bồi thường trợ cấp tai nạn lao động”.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải bồi thường trợ cấp tai nạn lao động tính đến hết tháng 4/2017 cho ông Vũ Văn M với số tiền là 20.421.550đ (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi một nghìn năm trăm năm mươi đồng).
3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D có trách nhiệm làm văn bản gửi cơ quan bảo hiểm xã hội đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động cho ông Vũ Văn M đối với lần ông Vũ Văn M bị tai nạn lao động lần 02 xảy ra vào ngày 10/02/2012 khi đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D.
4. Kể từ ngày ông Vũ Văn M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn D chậm thi hành án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.
5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.
6. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải nộp 612.646đ án phí lao động sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn D đã nộp theo biên lai số 005205 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải nộp tiếp số tiền 312.646đ (ba trăm mười hai nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng) án phí lao động sơ thẩm.

**Cơ sở pháp lý:**

- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 32, Điều 68, 147, 266, 271 và 273; Điều 284; 2 Điều 308 và Điều 309; khoản 3 Điều 296; điểm b khoản 1 Điều 289; Điều 357
- Bộ luật Dân sự 2005: Điều 604, 605
- Bộ luật lao động 2012: Điều 142, 144 và 145
- Luật Bảo hiểm xã hội 2006: khoản 2 Điều 43; Điều 44; Điều 38, 39; Điều 18 và khoản 5 Điều 114
- Thông tư số 07/2010/TT-BYT ngày 05/4/2010 của Bộ Y tế: Điểm b khoản 3 Điều 13
- Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ, ông M thuộc đối tượng và đủ điều kiện hưởng trợ cấp tai nạn lao động: Điều 18, Khoản 1 Điều 19

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li> <li>- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 9, 30.</li> </ul>	
4.	11/2018/ LD-ST	23/11/2018	TAND TX. Thuận An, tỉnh Bình Đương	<p><b>Bản án số 11/2018/LĐ-ST ngày 23/11/2018 của TAND TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Trần Thị Ngọc B - Công ty TNHH V (18.02.2019)</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Sơ thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Người lao động bị tai nạn lao động chết nhưng người sử dụng lao động không bồi thường thỏa đáng</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Bà Trần Thị Ngọc B là vợ của ông Phạm Anh T, kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã, huyện G, tỉnh K. Ông Phạm Anh T là công nhân lao động cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (hiện nay tên là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V) (sau đây gọi tắt là Công ty V) từ tháng 3 năm 2016.</p> <p>Ngày 11/8/2016, trong lúc đang làm việc tại Cơ sở 2 Công ty V tại khu sản xuất B, phường B, thị xã T, tỉnh B thì bị tai nạn lao động do máy đập lỗ đê chết. Sau khi ông T chết, Công ty V đã bồi thường cho gia đình ông T (do bà B và mẹ ông T là bà L đứng ra nhận) các khoản tiền theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo</p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1vi67QntsQo7t_Io1X8zbUDrIb6T4pAtX/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1vi67QntsQo7t_Io1X8zbUDrIb6T4pAtX/view?usp=sharing</a>



			<p>hiểm xã hội số tiền 206.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện việc trả tiền tuất hàng tháng cho thân nhân của ông T theo quy định của pháp luật gồm những người sau đây: Con là cháu Phạm Trần Ngọc H, mẹ ruột tên Phạm Thị L, mẹ vợ tên Trần Thị B và cha vợ tên Trần Văn H.</p> <p>Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty V trả tiền tuất hàng tháng cho 04 thân nhân của ông T mức 50% lương cơ sở hiện nay là 1.300.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2016 cho đến khi cháu Phạm Trần Ngọc H đủ 18 tuổi và cho đến khi bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B chết, sau khi trừ đi số tiền bồi thường dư trong tổng số tiền 206.000.000 đồng là 32.333.260 đồng.</p> <p>Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết tai nạn lao động; biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động; bản sao giấy khai sinh; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại V (nay là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V) về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động.</li><li>2. Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V phải trả tiền tuất hàng tháng cho cháu Phạm Trần Ngọc H, sinh ngày 04/8/2013 mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bị đơn được khấu trừ số tiền 32.333.260 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng).</li></ol> <p>Thời điểm bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng tính từ tháng 9 năm 2016.</p> <p>Tiền tuất hàng tháng của cháu H sẽ do bà Trần Thị Ngọc B (là mẹ) đại diện nhận.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.</li><li>4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu bị đơn phải trả tiền tuất hàng tháng cho bà Phạm Thị L, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B.</li></ol>	
--	--	--	---	--

				<p>5. Về án phí lao động: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điểm d, Khoản 1, Điều 32; Điều 35; Điểm đ, Khoản 1, Điều 40; các Điều 147, 228, 266, 271 và 273</li> <li>- Bộ luật dân sự: Khoản 2 Điều 468</li> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 142; Điều 144; Điều 145; Điều 136; Điều 150</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động: Điều 15, 16</li> <li>- Luật Bảo hiểm xã hội 2014: Điều 67,68</li> <li>- Nghị định 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30.</li> </ul>	
5.	13/2020/ LĐ-ST	29/09/2020	TAND huyện Bình Chánh ,TP. Hồ	<p><b>Bản án số 13/2020/LĐ-ST ngày 29/09/2020 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh V/v tranh chấp bồi thường tai nạn lao động và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Sơ thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> </ul>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1cHndaJidFwS8H63FrSyIo0pFAwS9iZ3N/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1cHndaJidFwS8H63FrSyIo0pFAwS9iZ3N/view?usp=sharing</a>

**Chí Minh**

- Thông tin về vụ/việc: Ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty P bồi thường thiệt hại khi xảy ra tai nạn lao động theo quy định do bị suy giảm 65% khả năng lao động là 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng) và thanh toán tiền lương từ khi công ty cho ông T nghỉ việc, do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật. Tạm tính từ ngày 04/8/2016 đến ngày 18/6/2020 là 6.000.000 đồng x 45 tháng = 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Từ ngày 15/09/2013, ông T bắt đầu vào làm việc tại Công ty Cổ phần Sản xuất P (sau đây gọi tắt là công ty P) với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, hai bên không có ký hợp đồng lao động và công ty P không đóng bảo hiểm xã hội hay bất cứ khoản nào khác cho ông T.

Khoảng 15 giờ ngày 06/02/2016, tại xưởng sản xuất thuộc Chi nhánh của Công ty P (Địa chỉ: F9/68D ấp R, xã N, huyện B) khi ông T đang thử máy chuyên nhựa thấy vật liệu bị kẹt trong máy, ông T vào sửa chữa thì bị máy cuốn gãy tay đang đeo (gãy tay là vật dụng bảo hộ lao động bắt buộc phải đeo) và máy cuốn luôn cánh tay phải của ông T. Do sức hút và sức ép của máy quá lớn nên cánh tay phải của ông T đã bị dập nát, phải nhập viện điều trị cắt cánh tay để giữ tính mạng (tỉ lệ thương tật 65%). Sau khi bị tai nạn, công ty P có hỗ trợ cho ông T 16.400.000 đồng (bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc...). Ông T nhiều lần yêu cầu Công ty P bồi thường nhưng Công ty P đã từ chối. Ngày 04/08/2016, công ty cho ông T nghỉ việc không lý do.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu công ty P bồi thường thiệt hại khi xảy ra tai nạn lao động theo quy định do bị suy giảm 65% khả năng lao động là 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).
2. Yêu cầu công ty P thanh toán tiền lương từ khi công ty cho ông T nghỉ việc, do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật. Tạm tính từ ngày 04/8/2016 đến ngày 18/6/2020 là 6.000.000 đồng x 45 tháng = 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền yêu cầu công ty P có nghĩa vụ thanh toán là 411.000.000 đồng (Bốn trăm mười một triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

– Yêu cầu công ty P trả trợ cấp cho ông T với số tiền là 56.400.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2015/TTBLĐ-TB-XH ngày 12/02/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

– Yêu cầu công ty P trả chế độ bảo hiểm xã hội thay cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2015/TTBLĐ-TB-XH ngày 12/02/2015 trên và Điều 43 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2016.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.
2. Buộc công ty Cổ phần Sản xuất P có nghĩa vụ thanh toán bồi thường thiệt hại tai nạn lao động tương ứng với tỷ lệ mức suy giảm khả năng lao động 65% là 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng) cho ông Trần Xuân T.
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu công ty Cổ phần Sản xuất P thanh toán tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
5. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu công ty Cổ phần Sản xuất P trả trợ cấp cho ông T và trả chế độ bảo hiểm xã hội thay cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.
6. Về án phí: Công ty Cổ phần Sản xuất P chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.230.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

**Cơ sở pháp lý:**

- Bộ luật Dân sự 2015: Điều 357, Điều 468
- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 1, khoản 3 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 15, 16, 18, 22, 23, 26, 27, 29, 39 và Điều 41 ; khoản 1 Điều 142; Điều 144, Điều 145</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TTBLĐ-TB-XH ngày 12/02/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Điều 3, 4, 5</li> <li>- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014: Điều 43</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TTBLĐTB-XH ngày 12/02/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 3 và khoản 1 Điều 6.</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 27.</li> <li>- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Điều 13</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 7a, 30.</li> </ul>	
6.	01/2021/ LĐ-PT	23/09/2021	TAND tỉnh Tây Ninh	<p><b>Bản án số 01/2021/LĐ-PT ngày 23/09/2021 của TAND tỉnh Tây Ninh V/v tranh chấp về Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Nguyễn Văn S - Công ty TNHH TNL (11.10.2021)</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Tây Ninh</li> </ul>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1A1TrHye05-MrV5s79FwonSbBvuDoA9Cy/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1A1TrHye05-MrV5s79FwonSbBvuDoA9Cy/view?usp=sharing</a>

- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ/việc: Nguyễn Văn S - Công ty TNHH TNL

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Anh Nguyễn Thanh G, sinh ngày 16-2-1997 là con ruột của ông, bà chưa có vợ, con. Anh G là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Ngọc L (viết Cty) đã làm việc được 27 ngày, trong thời gian thử việc, ngày 16-4-2018 anh G làm việc tại Cty thì bị điện giật té từ mái nhà xưởng xuống đất và chết ngày 19-4-2018 tại bệnh viện Chợ Rẫy, nhưng Cty trình bày tại bệnh viện, anh G chết do bị tai nạn giao thông.

Công ty đã bồi thường cho ông, bà số tiền 58.000.000 đồng, nhưng chi phí cứu chữa cho anh G tại bệnh viện, chi phí đám tang, xây mộ số tiền tổng cộng 93.000.000 đồng. Trong lúc gia đình lo đám tang vô cùng bối rối, nên không yêu cầu người bán hàng ghi giấy tờ, nên không đủ chứng cứ đã nộp cho Tòa án.

Ông S, bà L yêu cầu Công ty có nghĩa vụ xác định sự thật nguyên nhân cái chết của anh G là do điện giật hay bị tai nạn lao động và phải bồi thường cho ông bà số tiền 01 tỷ đồng về tính mạng và tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Ngọc L;
2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Ngọc L tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền 183.800.000 đồng.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L về “Tranh chấp về Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động” đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNL.

			<p>3. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Ngọc L tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền 183.800.000 đồng (một trăm tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng).</p> <p>4. Từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.</p> <p>5. Về án phí sơ thẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty Trách nhiệm hữu hạn TNL phải chịu 5.514.000 đồng (năm triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.</li><li>- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L được miễn án phí lao động sơ thẩm.</li></ul> <p>6. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L được miễn án phí phúc thẩm.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 273</li><li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 142, 145</li><li>- Luật An toàn vệ sinh lao động: khoản 4 Điều 38;</li><li>- Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10-5-2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động: Điều 12, 26</li><li>- Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 02-02-2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định: Điều 3, 6</li><li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li><li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 9, 30.</li></ul>	
--	--	--	--	--

7.	08/2022/ LD-PT	15/06/2022	TAND tỉnh Bình Dương	<p><b>Bản án số 08/2022/LĐ-PT ngày 15/06/2022 của TAND tỉnh Bình Dương V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động (22.06.2022)</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bình Dương</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: giữ nguyên bản án sơ thẩm</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 370 536330 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/6/2009, có chức năng xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp do ông Nguyễn Thanh làm chủ sở hữu và là Giám đốc điều hành. Chồng bà H là ông Chung Văn Đ (gọi tắt là ông Đ) xin vào làm công nhân phụ hồ từ đầu tháng 9 năm 2018, mức lương 250.000 đồng ngày, một tuần làm việc 06 ngày, lãnh lương vào ngày thứ 7 hàng tuần. Vào lúc 11 giờ 00 ngày 26/09/2018, tại công trình nhà ở của bà Trần Thị Thu T, địa chỉ: Đường G, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương xảy ra tai nạn lao động làm ông Đ rơi trong lòng thang máy của công trình từ tầng 6 xuống tầng 3 gây đa chấn thương và tử vong.</p> <p>Theo Biên bản kết luận tai nạn lao động ngày 28/7/2020 do Thanh tra ở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương lập và công bố, thể hiện: Sáng ngày 26/9/2018, ông Đ cùng với 8 công nhân khác được phân công lắp đặt giàn giáo và đóng cốt pha mái tầng 8 của công trình, ông Đ đứng dưới sàn gỗ hỗ trợ đưa vật tư. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, ông Đ xuống tầng 7 để đưa các thanh sắt hộp lên tầng 8; ông Đ chuyển các thanh sắt từ bên ngoài vào xếp đứng trong sàn che chắn 2 lòng giếng thang máy (khoảng trống để lắp đặt thang), đầu trên tựa vào thành giếng thang thì sàn che chắn bị sụp đổ làm ông Đ và các thanh sắt rơi xuống làm sập các sàn che chắn trong lòng giếng thang máy tại các tầng 6, 5, 4 trước khi đến sàn che chắn lòng giếng</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/114EM11jEPHBrhXHarLraSbr9Yai5KKlg/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/114EM11jEPHBrhXHarLraSbr9Yai5KKlg/view?usp=sharing</a></p>
----	-------------------	------------	-------------------------------	--	--



			<p>thang máy tại tầng 3. Ông Đ được các công nhân làm chung phát hiện và đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, nhưng ông Đ đã tử vong vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 26/9/2018.</p> <p>Theo kết luận giám định pháp y thì nguyên nhân ông Đ chết là do “chấn thương ngực - bụng gây dập rách hai phổi, dập vỡ tim, gan”. Quá trình cấp cứu và mai táng, Công ty Đ đã hỗ trợ cho gia đình ông Đ số tiền 86.000.000 đồng, gồm tiền mặt 70.000.000 đồng giao cho bà H và trả cho cơ sở mai táng ti n áo quan và xe vận chuyển v Vĩnh Long là 16.000.000 đồng.</p> <p>Ngày 28/7/2020, Thanh tra ở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương tổ chức cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho bà H số tiền 95.000.000 đồng, khấu trừ 86.000.000 đồng đã thanh toán trước thì còn phải thanh toán thêm cho bà H số tiền 109.000.000 đồng.</p> <p>Nhưng ông Nguyễn Thanh không đồng ý và đề nghị tiếp tục họp nội dung về chế độ bồi thường tai nạn lao động vào lúc 4 giờ 00 ngày 31/7/2020.</p> <p>Ngày 31/7/2020, Thanh tra ở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương tiếp tục họp v vi c bồi thường cho gia đình bà H, nhưng ông S Giám đốc Công ty không đồng ý vì cho rằng: “Nạn nhân Đ vào làm vi c chưa được ký hợp đồng lao động như lao động chính thức, cai thầu quản lý công trình tự nhận anh Đời vào làm việc tại công trình mà không báo cáo với Giám đốc. Do vậy, Công ty không đồng ý với việc bồi thường tai nạn lao động theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai nạn lao động tại Biên bản cuộc họp ngày 28 7 2020 (số ti n phải bồi thường là 195 tri u đồng) vì tôi cho rằng quy định này không hợp lý. Công ty chỉ chấp nhận hỗ trợ thêm cho thân nhân của anh Đời 20 triệu đồng, ngoài số ti n 86 triệu đồng đã hỗ trợ trước đây”. Bà H cho rằng: “Từ lúc sau khi tai nạn xảy ra đến nay thì bà H cũng không được sự quan tâm thăm hỏi của phía Công ty. au khi ký văn bản thỏa thuận trước đây thì bà H cũng không thừa kiện gì đối với Công ty. Nay bà H muốn Công ty thực hiện việc bồi thường tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động kết luận. Trường hợp Công ty không thực hi n thì bà H sẽ tiếp tục khởi kiện theo quy định”. Sau đó, bà H đã nhiều lần liên lạc với ông S để yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho gia đình bà H, nhưng ông S không đồng ý nên bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho bà H và các con của bà H các khoản gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm làm chết người gồm thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại được xác định 250.000 đồng ngày x 26 ngày tháng x 30 tháng = 195.000.000 đồng; khấu trừ số ti n Công ty Đ đã thanh toán trước ti n vi n phí, chi phí mai táng là 86.000.000 đồng, Công ty Đ còn phải thanh toán số tiền là 109.000.000 đồng theo Biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28 7 2020 và Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28 7 2020.</li></ul>
--	--	--	--

			<p>- Bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần cho vợ và con của nạn nhân do tai nạn lao động làm chết người bằng một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng tháng x 100 tháng = 149.000.000 đồng.</p> <p>- Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng là cháu Chung Văn Tuấn A, sinh ngày 29/11/2015 theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là .490.000 đồng tháng, tính từ ngày ông Đ chết (ngày 26 9 20 8) đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi (ngày 29/11/2033) là 4 năm 02 tháng x .490.000 đồng tháng = 253.300.000 đồng.</p> <p>Tổng cộng bà H yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường 0 lần số tiền 511.300.000 đồng. Ngày 04 0 202 , nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên Biên bản thỏa thuận ngày 06 0 20 8 giữa bà Trần Thị H với Công ty Đ là vô hi u do vi phạm điều cấm của pháp luật.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ v việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động”.</li> <li>2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ hỗ trợ cho gia đình ông Chung Văn Đ là bà Trần Thị H và hai cháu Chung Văn T, Chung Văn Tuấn A số tiền là 50.000.000 đồng.</li> </ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn bà Trần Thị H. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 03 202 LĐ-ST ngày 02 2 202 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ v vi c “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động”.</li> <li>- Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ v vi c hỗ trợ thêm cho gia đình ông Chung Văn Đ là bà Trần Thị H và hai cháu Chung Văn T, Chung Văn Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng.</li> </ul> </li> <li>2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 20 5, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.</li> </ol>	
--	--	--	---	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn nộp.</li> <li>- Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn theo quy định.</li> </ul> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật lao động 2012: khoản 2 Điều 138; Điều 150</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động: điểm d khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 17; khoản 3 Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 7, Điều 14</li> <li>- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016</li> <li>- Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ: Điều 36</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 9, 30.</li> </ul>	
8.	02/2022/LĐ-PT	16/06/2022	TAND tỉnh Sóc Trăng	<p><b>Bản án số 02/2022/LĐ-PT ngày 16/06/2022 của TAND tỉnh Sóc Trăng V/v Tranh chấp về an toàn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: “Tranh chấp an toàn lao động”</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Sóc Trăng</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> </ul>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1vplBWm6Kcrf5Dk0q-HzZQOMMLnww9hA4/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1vplBWm6Kcrf5Dk0q-HzZQOMMLnww9hA4/view?usp=sharing</a>

- Thông tin về vụ/việc: “Tranh chấp an toàn lao động”

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Vào ngày 23/11/2017 âm lịch con của ông Lê Hoàng T và bà Lê Thị Kiều T, tên Lê Đan H, sinh ngày 30/4/2004 đang là học sinh đi làm thêm ngày thứ 7, chủ nhật kiếm tiền đi học, làm cho công trình làm lộ ở khóm Tân Chánh, phường 2 do ông Nguyễn Văn D nhận thi công, Ông D nhận công trình từ ông Nguyễn Hùng M làm giám đốc công ty TNHH P, do thiếu người nên Ông D nhận con ông bà vô làm, Cháu H đang làm công trình thì xảy ra tai nạn bị điện giật chết vào ngày 23/11/2017 âm lịch (nhằm ngày 09/01/2018) do mô tơ điện bị hỏng, công an thị xã Ngã Năm điều tra vào mô tơ thi cùng ngày tại nhà ông, bà xác định Cháu H chết do bị điện giật. Sau khi cháu H chết thì vào ngày 12/12/2017 (âm lịch) vợ ông M là bà Duẩn và Ông D có đến nhà thỏa thuận bồi thường cho gia đình ông, bà 80.000.000 đồng nhưng thỏa thuận không xong, vài ngày sau vợ chồng ông, bà có điện thoại cho ông M thì tắt nguồn không liên hệ được. Việc vợ chồng ông bà khởi kiện đối với bà L vợ Ông D là vì bà L có đến nhà thương lượng việc bồi thường cho gia đình nguyên đơn. Từ khi sự việc xảy ra đến nay thì phía Ông D có bỏ ra các khoản chi phí để làm mồ mã cho con ông, bà khoảng 10 triệu đồng, đưa tiền làm tuần 1 lần được 1.000.000 đồng và 2 lần đám giỗ mỗi lần 500.000 đồng. Tổng cộng được là 12.000.000 đồng, đến nay không bồi thường thêm khoản nào nữa.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Hùng M cùng có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông bà các khoản: Chi phí mai táng phí: 30.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng. Không yêu cầu đối với bà L.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng T và bà Lê Thị Kiều T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.
2. Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lê Hoàng T và bà Lê Thị Kiều T số tiền 68.800.000 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).
3. Kể từ ngày bà T, ông T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Hùng M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn.
5. Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Văn D phải chịu 3.440.000 đồng tiền án phí. Bà T, ông T cùng chịu án phí 300.000 đồng đối với phần không được chấp nhận yêu cầu.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Phan Thị Mỹ L.
2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về xác định quan hệ tranh chấp, áp dụng điều luật, tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, án phí sơ thẩm đối với ông T, bà T.
3. Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, như sau:
  - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng T và bà Lê Thị Kiều T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.
  - Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Lê Hoàng T và bà Lê Thị Kiều T số tiền 68.800.000 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).
4. Kể từ ngày bà T, ông T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 3.440.000 đồng tiền án phí.

Bà T, ông T được miễn án phí lao động yêu cầu bồi thường về tai nạn lao động.
6. Về án phí phúc thẩm: Các bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Phan Thị Mỹ L mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền các bị đơn Ông D, bà L đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu số

				<p>0002589 (Ông D), số 0002590 (bà L) cùng ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng. Các bị đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148</li> <li>- Bộ luật dân sự 2015: khoản 2 Điều 468</li> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 144, 145, 164</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động 2015: Điều 38</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 1 Điều 48; Điểm a Khoản 1 Điều 12; Điều 26</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30.</li> </ul>	
9.	274/2022/ LĐ-PT	27/05/2022	TAND TP. Hồ Chí Minh	<p><b>Bản án số 274/2022/LĐ-PT ngày 27/05/2022 của TAND TP. Hồ Chí Minh V/v tranh chấp về an toàn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Phùng Anh T - Công ty CP BK</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Lao động</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND TP. Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp về an toàn lao động</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1XAus8zUWjleeVVp0VY3Mh9eKLy9VAe5/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1XAus8zUWjleeVVp0VY3Mh9eKLy9VAe5/view?usp=sharing</a></p>

			<p>Ngày 19/9/2019, ông Phùng Minh H là con của nguyên đơn phỏng vấn và được nhận vào làm việc tại CTCP BK (bị đơn), vị trí làm việc: nhân viên kỹ thuật phòng thí nghiệm. Qua quá trình thử việc, ông H báo với gia đình là được nhận chính thức làm việc, tuy nhiên bị đơn vẫn không ký hợp đồng lao động, chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Thực tế ông H vẫn được hưởng lương theo bảng lương hàng tháng, cụ thể theo phiếu lãnh lương ngày 18/01/2020: tiền lương 9.074.074 đồng, phụ cấp công trình 5.970.000 đồng và thưởng tết 7.000.000 đồng. Ngày 14/01/2020, bị đơn cử ông H và các nhân viên trong Tổ kỹ thuật đến nhà xưởng công trình xây dựng của Công ty BW tại khu công nghiệp B, tỉnh BD để kiểm tra độ nén của đất. Trong thời gian làm việc tại công trường ông H làm việc theo sự phân công và điều động của Trưởng nhóm kỹ thuật là ông Trần Xuân H. Đến 16 giờ 20 phút ngày 14/01/2020, trong khi đang tập trung làm việc, ông H đã bị xe lu của CT TNHH HH, do tài xế Danh Hoàng Đ lười xe thiếu quan sát đã cán qua người, dẫn đến tử vong trên đường đi cấp cứu.</p> <p>Tại Bản án số 41/2020/HS-ST ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BD đã tuyên phạt bị cáo Danh Hoàng Đ phạm tội "Vô ý làm chết người" quy định tại khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 mức án 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng. Trong giai đoạn xét xử, CT HH và bị cáo Danh Hoàng Đ đã bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình ông H và gia đình ông H cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.</p> <p>Về phía bị đơn là đơn vị sử dụng lao động, trực tiếp điều động và giám sát ông H trong suốt thời gian làm việc tại công ty cũng như tại công trường trước đó có đề nghị hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, đến nay bị đơn vẫn chưa bồi thường cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bồi thường số tiền 451.322.220 đồng, tương đương 30 tháng lương thực lãnh theo khoản 4 Điều 38, Điều 39 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.</li><li>- Buộc bị đơn trợ cấp số tiền 53.640.000 đồng, tương đương 36 tháng lương cơ sở, theo Điều 53 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015 do bị đơn không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động nên khi xảy ra tai nạn lao động, bị đơn phải có trách nhiệm trợ cấp số tiền này.</li></ul> <p>Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 504.962.220 đồng.</p>
--	--	--	---

Ngày 07/01/2022 bị đơn là CTCP BK do ông Nguyễn Thanh T đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Anh T và bà Bùi Thị Thanh H.
2. Buộc CTCP BK bồi thường cho ông Phùng Anh T và bà Bùi Thị Thanh H số tiền 132.600.000 (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng.
3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Anh T và bà Bùi
5. Thị Thanh H buộc bị đơn trợ cấp số tiền 53.640.000 (Năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương đương 36 tháng lương cơ sở theo Điều 53 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của CTCP BK.
2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 59/2021/LĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Anh T và bà Bùi Thị Thanh H.
4. Buộc CTCP BK bồi thường cho ông Phùng Anh T và bà Bùi Thị Thanh H số tiền 132.600.000 (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng.
5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải



				<p>thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Anh T và bà Bùi Thị Thanh H buộc bị đơn trợ cấp số tiền 53.640.000 (Năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương đương 36 tháng lương cơ sở theo Điều 53 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015</p> <p>7. Án phí lao động sơ thẩm: CTCP BK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp lao động là 3.978.000 (Ba triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.</p> <p>8. Án phí lao động phúc thẩm: CTCP BK phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ theo biên lai thu số 0005320 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự 2015: Điều 357, Điều 468</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308</li> <li>- Bộ luật lao động 2012: Điều 145</li> <li>- Luật An toàn vệ sinh lao động 2015: Điều 53</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.</li> <li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 9, 30.</li> </ul>	
10.	01/2023/DS-ST	14/03/2023	TAND huyện Kim Thành	<p><b>Bản án số 01/2023/DS-ST ngày 14/03/2023 của TAND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương V/v bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bản án: Ông Nguyễn Văn P yêu cầu Công ty TNHH T phải bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động</li> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động</li> </ul>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1Wye8H_bCH6wIeo--giR02wtCD8hor6jm/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1Wye8H_bCH6wIeo--giR02wtCD8hor6jm/view?usp=drive_link</a>

**,tỉnh  
Hải  
Dương**

- Cấp xét xử: Sơ thẩm
- Loại vụ/việc: Lao động
- Tòa án xét xử: TAND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ/việc: Ông Nguyễn Văn P yêu cầu Công ty TNHH T phải bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Anh Nguyễn Văn P là người lao động, làm việc theo hợp đồng lao động tại nhà máy phân bón nông gia - Công ty TNHH T, mức lương hai bên thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng nhưng hợp đồng lao động ký giữa hai bên là 3.870.000 đồng. Ngày 21/01/2021, anh bị tai nạn lao động trong khi đang sửa chữa, hàn máy trộn phân bón tại nhà máy phân bón nông gia- Công ty TNHH T.

Sau khi xảy ra tai nạn, anh được Công ty đưa đi cấp cứu, phải phẫu thuật cột sống và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H 02 tháng và điều trị vật lý trị liệu liên tục trong 6 tháng sau đó. Sau khi điều trị, Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận tình trạng sức khỏe của anh liệt hai chi dưới do chấn thương liệt tủy sống. Hiện tại, cuộc sống và hoàn cảnh kinh tế của anh khó khăn. Vợ anh bị tai nạn giao thông mất vào tháng 7/2020. Trước khi bị tai nạn, anh là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 03 con nhỏ và bố mẹ già. Con nhỏ nhất khi anh bị tai nạn là 1 tuổi. Nay anh bị tai nạn, liệt hai chân, nằm một chỗ, phải thuê người phục vụ trong suốt thời gian điều trị phẫu thuật và phục hồi chức năng trong 8 tháng. Ngày 26 tháng 1 năm 2021, Sở Y tế tỉnh H lập biên bản giám định y khoa số 04/GĐYK-TNLD kết luận tỷ lệ thương tật cơ thể anh Phùng là 91%.

Tính đến ngày 08/6/2021, tổng số tiền anh nhận được 05 lần từ đại diện Công ty TNHH T là 73.200.000đồng. Nay anh yêu cầu Công ty TNHH T giải quyết quyền lợi về tai nạn lao động cho anh theo từng khoản, cụ thể:

- Thanh toán chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi anh điều trị ổn định cho những khoản bảo hiểm y tế không chi trả hoặc chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế số tiền là: 233.477.000đồng.
- Tiền thuê người chăm sóc trong thời gian điều trị và phục hồi chức năng trong 08 tháng là 50.128.000 đồng.

- Trả tiền lương trong thời gian anh bị tai nạn lao động và phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động từ 21/01/2021 đến ngày 21/9/2021 với số tiền là: 10.000.000 đồng x 8 tháng = 80.000.000 đồng.

- Bồi thường tai nạn lao động cho anh theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Vệ sinh An toàn lao động với số tiền là: 10.000.000 đồng x 30 tháng = 300.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh yêu cầu Công ty TNHH T phải bồi thường là 663.605.000đồng, trừ đi số tiền anh đã nhận được từ Công ty là 73.200.000đồng, anh yêu cầu Công ty phải bồi thường tiếp số tiền 590.405.000 đồng.

Ngoài ra, anh còn yêu cầu Công ty TNHH T chuyển hồ sơ và làm các thủ tục với cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện K để anh được nhận trợ cấp về tai nạn lao động.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P.
2. Buộc Công ty TNHH T- người đại diện theo pháp luật ông Đinh Văn T - Tổng giám đốc Công ty phải bồi thường về tai nạn lao động cho anh Nguyễn
3. Văn P tổng số tiền 399.493.388 đồng, được đối trừ với số tiền 73.200.000 đồng Công ty đã thanh toán cho anh P; Công ty TNHH T còn phải tiếp tục thanh toán trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền là 326.293.388 đồng. (Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm tám tám đồng)
4. Kể từ ngày anh P yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.
5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn P buộc Công ty TNHH T phải trả tiền lãi đối với yêu cầu bồi thường về tai nạn lao động trên cơ sở số tiền 326.293.338 đồng.
6. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 16.314.700 đồng(Mười sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng). Anh Nguyễn Văn P được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm.

**Cơ sở pháp lý:**

				<ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39</li><li>- Luật An toàn vệ sinh lao động: Khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 7, Điều 38</li><li>- Bộ luật lao động 2012:</li><li>- Thông tư số 28/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021: Khoản 3 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 5</li><li>- Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015</li><li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 12</li><li>- Luật Thi hành án dân sự: Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30.</li></ul>	
--	--	--	--	---	--